TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 157/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 53, 54, 55, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1392/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1982

Địa chỉ liên lạc: Nhà không số (cạnh nhà C), đường B, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Nhà không số (cạnh nhà C), đường B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Và ông Bùi Công Y, sinh năm 1984

Địa chỉ: Nhà không số (cạnh nhà C), đường B, khu phố A, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Nhà không số (cạnh nhà C), đường B, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 19/3/2007, tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa)).

- Về con chung: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V có 02 con chung tên Bùi Quang V1 (nam), sinh ngày 21/5/2007 và Bùi Thanh T (nữ), sinh ngày 02/11/2010.

Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V thống nhất thỏa thuận ông Bùi Công Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Quang V1 (nam), sinh ngày 21/5/2007. Giao con chung tên Bùi Thanh T (nữ), sinh ngày 02/11/2010 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 23, quyển số 01/2007, đăng ký ngày 19/3/2007, tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã T, tỉnh Thanh Hóa)).

1.2. Về con chung: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V có 02 con chung tên Bùi Quang V1 (nam), sinh ngày 21/5/2007 và Bùi Thanh T (nữ), sinh ngày 02/11/2010.

Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V thống nhất thỏa thuận ông Bùi Công Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Bùi Quang V1 (nam), sinh ngày 21/5/2007. Giao con chung tên Bùi Thanh T (nữ), sinh ngày 02/11/2010 cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về lệ phí: Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000247 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng

Thi hành án dân sự khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh). Ông Bùi Công Y và bà Nguyễn Thị V đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Toà án nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát Khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- THA dân sự, TP. Hồ Chí Minh;
- Người yêu cầu;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Loan